

GÓP BÀN VỀ QUẢN LÝ LỄ HỘI CỔ TRUYỀN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

PG&TS. BÙI QUANG THANH*

TÓM TẮT

Qua khảo sát thực trạng quản lý văn hóa tại một số di tích - lễ hội và địa phương mang tính phổ biến/đại diện, bài viết bước đầu nhận diện khái quát về một số vấn đề (cả lý luận và thực tiễn) liên quan đến công tác quản lý văn hóa và “văn hóa quản lý” đã và đang đặt ra ở nước ta, đồng thời đề xuất một số giải pháp đối với công tác tổ chức quản lý, duy trì lễ hội cổ truyền trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay.

Từ khóa: lễ hội; quản lý văn hóa; “văn hóa quản lý”.

ABSTRACT

By surveying the real situation of cultural management in some typical heritage sites, festivals, the paper briefly identifies some theoretical and practical issues on cultural management and management culture, also puts forward some solutions for the management, maintenance of the traditional festivals in today's socio-economic context.

Key words: Festival; Cultural management; Management culture.

Theo thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cuối năm 2011), cả nước có khoảng 7.966 lễ hội; trong đó có 7.039 lễ hội dân gian/lễ hội cổ truyền (88,36%), 332 lễ hội lịch sử - cách mạng (4,16%), 544 lễ hội tôn giáo (6,28%), 10 lễ hội du nhập từ nước ngoài (0,12%), còn lại là lễ hội khác (0,5%), được thực hành hằng năm tại hầu khắp 63 tỉnh/thành, trong đó, mật độ đậm đặc nhất là ở vùng Bắc Bộ và Nam Bộ, với các cấp độ, phạm vi khác nhau. Các di tích - lễ hội đón tiếp từ một triệu lượt khách hành hương trở lên trong một năm, có thể kể đến, như lễ hội Yên Tử, chùa Hương, đền Hùng, đền Bà Chúa Xứ, chùa Bà Thiên Hậu... Những di tích - lễ hội đón tiếp khoảng trăm nghìn lượt khách trở lên trong một năm, có thể kể đến, như lễ hội đền Trần, phủ Dầy, Côn Sơn - Kiếp Bạc, hội Lim... Ngoài ra, chiếm đa số là lễ hội thuộc phạm vi thôn/làng, mang tính tự quản, gắn với đại diện các dòng họ, cùng đại diện cộng đồng làng/xã (liên làng) và (thường có sự tham gia) của chính quyền sở tại (xã, phường, thị trấn). Từ “điểm nóng” trong sinh hoạt xã hội cộng đồng này (chủ

yếu là các lễ hội lớn), nhìn vào không gian văn hóa lễ hội tại bất kỳ vùng/miền nào, cũng có thể nhận thấy, bên cạnh sự phục hồi tích cực của các nghi lễ, trò chơi, trò diễn dân gian, cùng những giá trị văn hóa phi vật thể có tác động tích cực đến đời sống sinh hoạt xã hội cộng đồng hiện tại, còn có không ít sự kiện, hiện tượng bất cập, mang tính phản văn hóa, như mê tín dị đoan (xóc thẻ, bói toán, tung tin thần bí, bịa đặt tín ngưỡng,...), thương mại hóa hoạt động nghi lễ (dịch vụ vàng mã, khấn thuê, đánh bài ăn tiền,...), bất minh hoặc quản lý lỏng lẻo di tích, lễ hội (biến lộn tiền công đức, mờ ám trong tài chính, đưa người thân vào hoạt động dịch vụ tư nhân,...), hủy hoại môi trường sinh thái (xả rác bừa bãi, thay đổi cảnh quan, lấn chiếm đất đai di tích,...), gây mất an ninh trật tự (đánh nhau, trộm cắp, lừa đảo,...).

Về thực trạng sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng - tâm linh những năm gần đây, đã có hàng trăm bài báo, công trình khoa học, hàng chục cuộc hội thảo (các cấp) tập trung phân tích, đánh giá nguyên nhân dẫn đến hiện tượng tiêu cực trong không gian di tích lịch sử - văn hóa và lễ hội tại các địa phương. Qua những nghiên cứu và phản biện văn

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

hóa này, có thể nhận thấy, đa số phân tích, đánh giá chủ yếu hướng đến những thành tố chính hợp thành chủ thể của lễ hội: đó là đội ngũ các nhà quản lý, tổ chức và người dân sở tại cũng như khách hành hương. Không phải ngẫu nhiên mà hàng chục năm qua, đã có nhiều cuộc hội thảo, công trình khoa học tập trung nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng lễ hội ở nước ta, đặc biệt là vấn đề quản lý, tổ chức, vận hành lễ hội, những mong tìm ra quy luật vận hành và phát triển tích cực của loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian này, phù hợp với điều kiện xã hội hiện tại và lâu dài. Chính vì thế, mục tiêu mà giới khoa học và các nhà hoạt động thực tiễn hướng đến đã đồng thuận với chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa...

Cũng từ thực trạng đa dạng và phức tạp của không gian văn hóa lễ hội, một câu hỏi được đặt ra là: Đã và đang có những vấn đề nào được đặt ra trong quá trình quản lý văn hóa và “văn hóa quản lý” đã được thể hiện như thế nào trong quá trình ứng xử với môi trường sinh hoạt văn hóa sôi động, đa dạng, phức tạp tại các không gian văn hóa lễ hội ở các địa phương? Đồng thời, để đạt được hiệu quả trong quá trình quản lý văn hóa thuộc phạm vi lễ hội cổ truyền cũng như các hình thức sinh hoạt lễ hội đồng đẳng với hình thức tổ chức sự kiện văn hóa khác hiện nay, liệu có thể xây dựng những tiêu chí về “văn hóa quản lý” song hành với việc xây dựng những mô hình quản lý, tổ chức lễ hội truyền thống chuẩn mực, mang tính phổ biến, để ứng dụng khả thi cho quá trình “tồn tại và phát triển bền vững” của hàng nghìn lễ hội dân gian ở nước ta, phát huy được tính tích cực và đẩy lùi tối đa các hiện tượng tiêu cực, phản văn hóa trong hoạt động lễ hội hiện tại và lâu dài?

Có lẽ, khái niệm “quản lý” mới chỉ xuất hiện từ cuối thế kỷ XIX. Trên tiến trình khoa học, ý nghĩa nội hàm của thuật ngữ này đã được các nhà quản lý học phương Tây tiếp cận theo nhiều chiều kích khác nhau, từ trường phái “quản lý theo khoa học” của F.W. Taylor (1856 - 1915) đến “tiếp cận quản lý theo quy trình” của Henry Fayol (1886 - 1925) hoặc “tiếp cận theo hiệu quả công việc” của J.H. Donnelly, J. Gibson, J.M. Ivancevich,... Như vậy, có thể tạm hiểu, “quản lý” là quá trình hướng đến việc sử dụng các nguồn lực để đạt mục tiêu đặt ra trong một môi trường biến động/vận động, thông qua sự tác động có kế hoạch/tổ chức của chủ thể quản

lý lên đối tượng và khách thể quản lý với các điều kiện chủ quan và khách quan khác nhau. Khi gắn với lĩnh vực văn hóa, khái niệm “quản lý văn hóa” trong xã hội hiện đại lại được hiểu là công việc của nhà nước, được thực hiện thông qua việc ban hành quy chế, chính sách, tổ chức triển khai, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, đồng thời nhằm góp phần phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương và cả nước. Nhìn vào thực tiễn, không khó để nhận thấy, ở nước ta, khái niệm quản lý văn hóa còn được hiểu là sự tác động chủ quan bằng nhiều hình thức, biện pháp của chủ thể quản lý (cơ quan nhà nước, đoàn thể, tổ chức dân sự, các cá nhân được trao quyền và trách nhiệm quản lý...) đối với khách thể (là mọi thành phần tham gia và làm nên đời sống văn hóa) nhằm đạt được mục tiêu mong muốn (bảo đảm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, nâng cao vị thế quốc gia, cải thiện chất lượng sống của người dân...)¹.

Để góp phần tìm đáp án khả dĩ cho câu hỏi nêu trên, qua quá trình diễn dã và nghiên cứu (khoảng trên dưới chục năm trở lại đây), bước đầu chúng tôi đi sâu vào việc khảo sát thực trạng quản lý văn hóa tại một số di tích - lễ hội và địa phương mang tính phổ biến/đại diện, qua đó nhận diện một số vấn đề (cả lý luận và thực tiễn) liên quan đến công tác quản lý văn hóa và văn hóa quản lý đã và đang đặt ra ở nước ta nay.

Qua khảo sát hệ thống di tích - lễ hội tại vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ (phần nào mang tính chất tương đồng với cả nước), có thể nhận diện được một số mô hình cơ bản trong tổ chức bộ máy quản lý lễ hội đã và đang hiện diện, vận hành tại các địa phương, gồm:

- a. Trung tâm quản lý di tích - lễ hội;
- b. Ban quản lý di tích - lễ hội (có thể bao gồm cả Ban khánh tiết);
- c. Ban khánh tiết quản lý, tổ chức thực hành nghi lễ và lễ hội;
- d. Thủ nhang kết hợp với đại diện các dòng họ đứng ra thành lập một Ban tổ chức lễ hội (đảm trách mọi khâu chuẩn bị, điều hành trong kỳ lễ hội) tại làng/thôn;
- e. Ban tổ chức do chủ sở hữu là tư nhân (gia đình) thành lập (với sự tham gia của người thân, thuê mượn người ngoài hoặc do quan hệ xã hội tùy theo nhu cầu công việc).

Tại không ít địa phương, Ban khánh tiết trực



Hội Tiên La (Thái Bình) - 2016 - Ảnh: Nguyễn Thúc

thuộc Ban quản lý di tích - lễ hội hoặc do dân làng lựa chọn theo tiêu chí nhất định, qua mỗi kỳ thực hành lễ hội. Nói chung, trường hợp chỉ thành lập Ban khánh tiết, thường ở những di tích - lễ hội nhỏ, thuộc phạm vi một làng, có tổ chức hội làng thường niên, di tích thường chưa được xếp hạng.

Về cấp độ tổ chức quản lý, thực tiễn cũng cho thấy, đi theo năm dạng mô hình tổ chức quản lý di tích - lễ hội nêu trên, đã có thể khái quát về 4 cấp độ quản lý - tổ chức lễ hội:

- a. Cấp độ quản lý, tổ chức (Trung tâm hoặc Ban quản lý) do các cấp chính quyền thành lập;
- b. Cấp độ quản lý, tổ chức (Ban quản lý di tích - lễ hội) mang tính kết hợp giữa chính quyền (cấp xã, phường, thị trấn) và cộng đồng (làng hoặc liên làng) thống nhất xác lập và lựa chọn nhân sự;
- c. Cấp độ quản lý, tổ chức do cộng đồng làng/thôn tự chọn lựa/bầu theo tiêu chí riêng;
- d. Cấp độ quản lý, tổ chức do tư nhân tự thành lập, điều hành (có thể phối kết hợp ở mức độ nhất

định, tùy theo thời điểm nhất định với chính quyền sở tại).

Từ các dạng/mô hình, cấp độ quản lý - tổ chức lễ hội được khái lược trên đây và thực tiễn, có thể bước đầu đánh giá được (về cơ bản) các khía cạnh mang tính tích cực cùng những bất cập, hạn chế của từng dạng thức tổ chức, quản lý di tích - lễ hội trong không gian văn hóa châu thổ Bắc Bộ hiện nay.

Về sự bất cập trong mô hình quản lý, tổ chức lễ hội do các cấp chính quyền xác lập, thông qua những tư liệu điền dã thu thập được, liên quan đến vấn đề xây dựng kịch bản và chỉ đạo diễn trình lễ hội mang tính đại diện ngẫu nhiên, cũng có thể nhận ra không ít vấn đề cần trao đổi.

Trước hết, có thể nhận thấy, hiện nay, trên phương diện quản lý nhà nước về văn hóa, phần lớn lễ hội dân gian tại các địa phương đều được đặt dưới sự chỉ đạo, giám sát, điều hành trực tiếp của Phòng Văn hóa - Thông tin (cấp huyện/thị xã) hoặc Ban tổ chức lễ hội do Chủ tịch xã/phường làm Trưởng ban. Những di tích với lễ hội có phạm vi và mức độ hoạt động tương

đối lớn, lượng người tham gia đông, thường thành lập Trung tâm quản lý di tích (đồng cấp với Phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện; trong trường hợp đặc biệt, có thể tương đương với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập). Theo đó, trước khi lễ hội diễn ra, các cấp quản lý này thường xây dựng "kịch bản lễ hội" hoặc trực tiếp duyệt kịch bản từ các làng/xã gửi tới (không loại trừ việc chỉnh sửa, uốn nắn, đề xuất các hình thức thực hành lễ hội theo chỉ đạo của cơ quan quản lý). Cũng bởi vậy, trong khá nhiều trường hợp, kịch bản của một lễ hội tại làng xã lại chính là sản phẩm của nhà quản lý văn hóa huyện hoặc Trung tâm quản lý di tích, chính quyền sở tại. Từ đó, khó tránh nguy cơ áp đặt cho cộng đồng những "kịch bản" mang tính phi truyền thống và thiếu tính khoa học. Do vậy, không ít lễ hội đã ít nhiều bị biến dạng, có phần tương đồng với những cuộc mít tinh, kỷ niệm dưới sự phù trợ của hình thức rước kiệu và biểu diễn/điển xướng,



Đội trống Ngũ lời - Hội Tiên La (Thái Bình) - 2016 - Ảnh: Nguyễn Thức

cùng trò chơi dân gian, mà trong đó, người dân - với số lượng nhất định “được chọn” là những “diễn viên” do Ban tổ chức căn cứ theo kịch bản mà phân bổ, lựa chọn, hướng dẫn triển khai, còn lại đa phần trở thành khán giả, với vị thế của người ngoài cuộc!

Dưới đây, xin được nêu một số dẫn chứng từ thực tiễn:

Quần thể di tích đền Sóc, thuộc địa phận thôn/làng Vệ Linh, xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, khởi nguyên là nơi thờ thần Núi, từ sau thế kỷ X trở thành nơi phụng thờ Thánh Gióng, Mẫu Thượng Ngàn và Phật, do người dân Vệ Linh duy trì, trông coi, phụng thờ. Hằng năm, cứ vào dịp đầu tháng Giêng, lễ hội Gióng lại được tổ chức, với sự tham gia của 72 làng quanh vùng (theo thông tin trên tấm bia tám mặt đang được lưu giữ trong đền), tạo ra một trong những lễ hội lớn nhất ở châu thổ Bắc Bộ. Từ sau năm 1945 trở lại đây, hương khói trong đền vẫn do người dân Vệ Linh đảm trách, nhưng việc thực hành lễ hội chỉ còn 8 làng/thôn thuộc 6 xã trong huyện tham gia. Từ tháng 1 năm 2004, Trung tâm Dịch vụ du lịch văn hóa Sóc Sơn, trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn, được thành lập, đóng trụ sở tại khuôn viên đền Sóc, được giao nhiệm vụ quản lý

đền Sóc và di tích phụ cận, tổ chức lễ hội truyền thống quần thể đền Sóc... Theo đó, cũng từ năm 2004, vai trò chủ thể trong việc quản lý di tích và tổ chức lễ hội của cộng đồng Vệ Linh và 7 làng/thôn khác như đã có phần chuyển sang vị thế của lực lượng thực hành tín ngưỡng và lễ hội theo yêu cầu, quy chế và kịch bản của lãnh đạo Trung tâm. Với mô hình quản lý này, nhiều hoạt động tại quần thể di tích đền Sóc trong hàng chục năm qua ít nhiều đã bị hành chính hóa. Trung tâm đứng ra quản lý toàn bộ nguồn công đức, tổ chức hoạt động dịch vụ và tự quyết việc thu chi tài chính. Theo đó, cộng đồng người dân Vệ Linh cũng như các làng xã liên quan đến di tích này đã dần trở thành khách thể và họ chỉ thực sự tham gia thực hành lễ hội hằng năm theo phân công của đội ngũ điều hành Trung tâm. Cũng do vậy, từ vị thế những người làm chủ, được hưởng lợi (cả về vật chất lẫn tinh thần) từ quần thể di tích - lễ hội do các thế hệ tiền nhân trong cộng đồng sáng tạo ra, người dân “chuyển vai” thành những “diễn viên một buổi”, thụ hưởng thù lao (tượng trưng) theo công việc được phân công qua mỗi kỳ lễ hội. Nhiều bậc cao niên của các làng am hiểu về di tích, lễ hội không được trọng dụng, hợp tác. Sự trao truyền di sản qua các thế hệ

vì thế đã sút giảm phần nào. Trong khi đó, các nhân viên của Trung tâm chỉ tập trung vào công việc sự vụ, hành chính tại di tích, năng lực nghiệp vụ và sự hiểu biết về di sản nơi đây còn hạn chế. Điều đó dẫn đến những thiếu hụt cơ bản trong việc quảng bá, giới thiệu di sản cho khách hành hương, vô tình góp phần ngáng trở kế hoạch phát triển du lịch bền vững của địa phương. Trong dịp lễ hội, thay vì quá trình thực hành nghi lễ - tín ngưỡng tâm linh và trò diễn dân gian cùng những sinh hoạt văn hóa cộng đồng khác, Trung tâm đứng ra chủ trì và tiến hành theo kịch bản lễ hội mang dáng dấp của một buổi lễ kỷ niệm người anh hùng Thánh Gióng, với bài diễn văn dài dòng... Và, thời gian còn lại của buổi lễ chủ yếu dành cho việc dâng hương của các đoàn. Trong khi đó, người dân của 8 làng/thôn được mời tham gia rước hội như có tâm lý miễn cưỡng, bởi họ cảm nhận được sự “giải thiêng” trong lễ hội truyền thống của quê mình. Bên cạnh đó, bộ máy quản lý cùng cán bộ nghiệp vụ của Phòng Văn hóa - Thông tin huyện cũng như trở thành người ngoài cuộc. Thực trạng của mô hình quản lý, tổ chức lễ hội do chính quyền xác lập như đang hiện diện tại Sóc Sơn đã và đang đặt ra những dự báo bất cập cho sự tồn tại của di sản, đặc biệt, đây lại là một trong những trung tâm hợp thành “Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại” đã được UNESCO ghi danh (2010)!

Tại di tích đền Sòng (Thanh Hóa), một Ban quản lý di tích đã được Ủy ban nhân dân thị xã Bỉm Sơn quyết định thành lập và đi vào hoạt động, với thành phần chủ yếu lấy từ cán bộ hoạt động văn hóa, tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc thị xã Bỉm Sơn. Ban quản lý đến phối hợp và dưới sự chỉ đạo chuyên môn của phòng Văn hóa - Thông tin thị xã đứng ra tổ chức lễ hội rước Thánh Mẫu Liễu Hạnh từ đền Sòng đến làng Mẫu trên đèo Ba Dội (cách nhau khoảng gần 3 km) vào ngày 26 tháng Hai hằng năm. Theo kịch bản do đích thân Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin thị xã Bỉm Sơn soạn thảo, đưa ra áp dụng cho lễ hội (2005), diễn trình được tiến hành như sau: Khởi lễ tại khoảng đất trống vốn là bãi đỗ xe của đền. Hiện diện trên “sân khấu” là đàn tế, lư hương cùng các nghi trượng hoành tráng. Sau bài diễn văn của lãnh đạo thị xã, phần dâng hương chỉ dành cho quan khách. Buổi rước lễ được triển khai rầm rộ, với hàng trăm người tham dự. Đi đầu đoàn rước là đội múa lân, kế tiếp là hệ thống cờ hoa, kiệu lễ, nghi trượng, kiệu lô nhang

thờ Thánh Mẫu. Kế tiếp là một chiếc xe ô tô tải, chằng hoa kết màu rực rỡ. Đứng trên thùng xe là một nghệ sĩ Tuồng (thuê từ Đoàn Tuồng tỉnh Thanh Hóa) đóng vai vua Quang Trung, oai vệ trong trang phục hoàng bào, đeo gươm, chống nạnh ngược nhìn dân chúng. Các bản hội và dân chúng xếp thành hàng lối, kéo dài theo sau. Giải thích cho sự hành hội kỳ lạ này, chính ông Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin thị xã Bỉm Sơn tự tin bày tỏ: “Xây dựng kịch bản, có sự kết hợp với vai trò của vua Quang Trung vào đây sẽ được nhiều cái lợi. Một là, người dân như Mẫu sẽ luôn nhớ đến Quang Trung gắn với phòng tuyến Tam Điệp bất tử này; hai là, như thế sẽ tiết kiệm thời gian, kinh phí; ba là, nhập vào cho hội nó đông vui, để văn hóa thêm đa dạng, phong phú”².

Từ một số dẫn chứng (mang tính đại diện) được nêu ra qua việc xem xét mô hình quản lý, tổ chức tại di tích - lễ hội truyền thống dân gian trên đây, do các Trung tâm quản lý di tích hoặc Ban quản lý di tích/Ban tổ chức lễ hội ở các địa phương, được các cấp chính quyền thành lập, đứng ra chỉ đạo, thực hành lễ hội, xét ở phạm vi xác lập kịch bản hội, tổ chức diễn trình hội, có thể nhận thấy, bên cạnh những vấn đề đặt ra đối với đội ngũ các nhà quản lý văn hóa, còn là việc nhận thức một cách đúng đắn về vấn đề “văn hóa quản lý” của chính bộ máy đảm trách nhiệm vụ điều hành, thực thi công tác xây dựng và phát triển đời sống văn hóa - xã hội ở các địa phương.

Những năm gần đây, một số tỉnh/thành đã có những sáng tạo, thay đổi “tư duy” trong quá trình tham gia tổ chức, điều hành hoạt động lễ hội ở địa phương, vừa được cộng đồng ủng hộ, vừa đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình. Chẳng hạn, quan sát quá trình thực hành một lễ hội tiêu biểu tại thị xã Gò Công và huyện Gò Công Đông (Tiền Giang), mùa lễ hội Ất Mùi (2015) vừa qua làm ví dụ. Đó là lễ hội tri ân anh hùng dân tộc Trương Định. Chủ thể điện thờ là Trương Định, một nhân vật lịch sử, vì có công với dân, với nước nên đã được người dân Gò Công nói riêng và người dân khắp vùng Nam Bộ nói chung tôn vinh, thiêng hóa để trở thành nhân vật được tri ân, tôn kính thông qua sinh hoạt lễ hội hằng năm tại nhiều làng xã. Tại hai trung tâm thực hành lễ hội này (phường 1 thị xã Gò Công và ấp 2, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông), cộng đồng cùng chính quyền sở tại đã đồng thuận, dành ngày đầu tiên của lễ hội (19

tháng Tám) cho người dân trực tiếp điều hành, thực hành, hưởng thụ những nhu cầu văn hóa - tâm linh của mình. Mọi hình thức sinh hoạt nghi lễ, hội hè truyền thống của cộng đồng đã được thực hành theo ý nguyện người dân gần xa. Ngày sau đó (20 tháng Tám), các hình thức thực hành nghi lễ và tưởng niệm anh hùng Trương Định được dành cho chính quyền các cấp và quan khách thập phương. Hàng loạt nghi thức dâng hương, dâng lễ của cán bộ lãnh đạo các cấp, cán bộ các ban ngành địa phương đã được diễn ra trang trọng, dưới sự quan tâm, hưởng ứng của cộng đồng. Sự kết hợp giữa công tác quản lý văn hóa và cung cách ứng xử theo văn hóa quản lý đó đã tạo ra mối quan hệ hài hòa giữa cộng đồng sở tại và đội ngũ thực thi nhiệm vụ văn hóa - chính trị do Nhà nước giao phó. Có thể nói, "mô hình" tổ chức lễ hội như đã được nhận diện ở Tiền Giang nên được coi là một hình thức "kế thừa và phát huy truyền thống trong đương đại" phù hợp, đáp ứng được nhu cầu vận hành lễ hội truyền thống của làng xã trong điều kiện lịch sử - xã hội hiện nay.

Từ những vấn đề đã và đang đặt ra đối với việc kết hợp chặt chẽ giữa quản lý văn hóa với văn hóa quản lý trong phạm vi lễ hội cổ truyền ở nước ta hiện nay, có thể tạm rút ra một số nhận thức sau:

- Để quản lý và tổ chức tốt lễ hội truyền thống tại bất kỳ địa phương nào, có lẽ cần phải thống nhất quan điểm, rằng: Lễ hội dân gian, trong bất kỳ điều kiện xã hội và hoàn cảnh lịch sử nào, đều là sản phẩm sáng tạo văn hóa chung của cộng đồng, gắn chặt với di tích lịch sử - văn hóa và sinh hoạt tín ngưỡng của người dân. Sản phẩm văn hóa đó, trên tiến trình lịch sử, luôn là nơi gửi gắm/thể hiện quan điểm nhận thức, đánh giá lịch sử - xã hội, là niềm tin thiêng liêng, sự tôn vinh một khuôn mẫu cũng như nguyện vọng của cộng đồng thông qua chủ thể được phụng thờ và diễn xướng, là quan niệm thẩm mỹ và ý thức để giáo dục con cháu đời sau tiếp nhận, lưu truyền những giá trị văn hóa được thế hệ tiền nhân sáng tạo nên. Lễ hội cổ truyền/truyền thống tại địa phương (làng, liên làng) vì thế, luôn là đỉnh cao, điểm nóng của một mô thức văn hóa do cộng đồng nhất định làm chủ sở hữu, thực hành và hưởng thụ những giá trị tinh thần được gửi gắm trong đó. "Sân khấu" lễ hội là "sân khấu" dân gian, ôm trùm toàn bộ không gian văn hóa di tích lịch sử - văn hóa, trong đó, người dân vừa là tác giả kịch bản, vừa là diễn

viên và người thưởng thức. Chính vì thế, lễ hội dân gian trước hết phải được gắn chặt với cộng đồng, do cộng đồng làm chủ, bảo vệ, trao truyền qua các thế hệ. Nhà nước (với đại diện là chính quyền các cấp) thực sự chỉ là "lực lượng", định hướng, bảo trợ, hỗ trợ về kinh phí (nếu có), an ninh, động viên, khích lệ cộng đồng tự duy trì các sáng tạo văn hóa của họ.

- Đối với việc tổ chức một lễ hội truyền thống, việc xây dựng kịch bản là cần thiết. Tuy nhiên, phải nhận thấy rằng, kịch bản lễ hội truyền thống dân gian không phải là thứ "kịch bản" sân khấu hiện đại, kịch bản phục vụ cho việc tổ chức sự kiện văn hóa, mang yếu tố sáng tạo chủ quan của cá nhân. Lễ hội dân gian không phải/không nên là cuộc hành hội phục vụ một lễ kỷ niệm, mít tinh trong dân chúng, dưới sự điều hành, chỉ đạo của bộ máy chính quyền. Đó thực chất chính là một thứ sản phẩm văn hóa mang tính tổng hợp, được cộng đồng chất lọc, sáng tạo, bồi đắp, chỉnh sửa, trao truyền trong suốt tiến trình lịch sử dựng làng/nước và giữ làng/nước, làm ăn và sáng tạo văn hóa, gửi gắm ý thức về lịch sử, xã hội, tâm thức tôn vinh các nhân vật được phụng thờ, thông qua hàng loạt biểu tượng/hệ biểu tượng văn hóa và mang tính lịch sử nhất định. Do vậy, để có được một "kịch bản" lễ hội truyền thống, nhất thiết phải có sự nghiên cứu, chất lọc từ ít nhất 3 nguồn tư liệu chính: Nguồn tư liệu từ truyền thuyết dân gian, các thần tích, văn bia, sắc phong; nguồn tư liệu từ các nhà nghiên cứu đi trước, ghi chép từ quá trình tham dự trong quá khứ; và, nguồn tư liệu hồi cố từ các bậc cao niên trong cộng đồng. Người biên soạn "kịch bản" trước hết phải có ý thức tôn trọng lịch sử, tôn trọng sáng tạo văn hóa trong cộng đồng, không thể/không nên tùy tiện gán ghép các sự kiện, nhân vật hiện đại vào diễn trình văn hóa trong lễ hội, bởi nó rất dễ trở thành nhân tố phá vỡ giá trị văn hóa - lịch sử vốn có của di sản văn hóa do cộng đồng hun đúc nên.

- Với sự hiện diện của các Trung tâm quản lý di tích - lễ hội hoặc các Ban quản lý di tích/Ban tổ chức lễ hội do chính quyền lập ra, cần xác định rõ vai trò, trách nhiệm trong các khâu tổ chức hoạt động sự vụ, hành chính, tập trung bảo đảm an ninh, hỗ trợ các khâu tổ chức mang tính sự vụ mỗi khi tiến hành lễ hội dân gian tại một địa phương nhất định... Giải pháp khả dĩ chính là có sự kết hợp chặt chẽ với đại diện cộng đồng, coi cộng đồng là chủ thể (cả về

nhân lực lẫn quyền hạn) trong quá trình tổ chức, điều hành diễn trình thực hành lễ hội, đặc biệt là các lễ hội cần được phục dựng hiện nay.

- Các cấp chính quyền không nên can thiệp quá sâu vào nội dung thực hành diễn xướng của lễ hội truyền thống. Trong kịch bản lễ hội, không thể (hoặc không nên) dành thời lượng thời gian thực hành nghi lễ (dâng hương, dâng lễ, khai ấn,...) quá nhiều cho đại diện chính quyền các cấp. Có như vậy, mới đảm bảo tính toàn vẹn cho sinh hoạt nghi lễ và thực hành diễn xướng của lễ hội dân gian do cộng đồng làm chủ, tính đa dạng văn hóa và bản sắc văn hóa từng địa phương. Nếu trong trường hợp, thấy sự hiện diện thực hành nghi lễ của (đại diện) chính quyền nhà nước là cần thiết, nên tổ chức/bổ trí vào thời khắc trước (hoặc sau) khi diễn ra quá trình thực hành nghi lễ của cộng đồng (như lễ hội tưởng niệm anh hùng dân tộc Trương Định tại Tiền Giang chẳng hạn), điều đó vừa đảm bảo được quyền tham gia sinh hoạt tín ngưỡng cho mọi thành phần dân cư một cách dân chủ, vừa tránh được sự phản cảm, ức chế trong tâm lý, ý thức cộng đồng dân chúng. Bộ máy điều hành chính quyền, với chức trách và nhiệm vụ cùng quyền hạn được giao, chỉ nên dừng lại ở phạm vi hỗ trợ kinh phí (nếu cộng đồng có nguyện vọng để đạt), đảm bảo an ninh trật tự và các biện pháp phục vụ y tế cần thiết hoặc chỉ can thiệp mỗi khi nội tình sinh hoạt lễ hội có biểu hiện tiêu cực (xuyên tạc lịch sử - văn hóa, chống phá nhà nước, nhân dân, có hành vi phá hoại di sản văn hóa của cộng đồng,...).

- Những năm gần đây, đã và đang có hiện tượng doanh nghiệp ở một số địa phương đã, ở những mức độ khác nhau, tác động không nhỏ đến công việc của các nhà quản lý văn hóa. Ý thức vào kinh phí hỗ trợ/tài trợ, một số cá nhân đã thể hiện khá rõ sự chi phối trong phục dựng, tu bổ không gian thực hành văn hóa - tín ngưỡng, như có phần vượt ra ngoài tầm quản lý của chính quyền và đội ngũ làm công tác văn hóa địa phương, thậm chí vi phạm *Luật di sản văn hóa*, không được cộng đồng chấp thuận. Và, do vậy, cách ứng xử với di sản văn hóa như trên, trong đó có lễ hội cổ truyền, đã và đang dẫn bị nhuộm màu sắc chủ quan cùng những lợi ích cá nhân, chưa phù hợp với thiết chế văn hóa xã hội hiện tại.

Như vậy, không thể có một mô hình duy nhất, độc tôn trong quản lý di tích - lễ hội (Về phương

diện quản lý, nên chăng chỉ cần xác lập các nguyên tắc hoặc tiêu chí chung, phù hợp với từng cấp độ của di tích - lễ hội. Không nên lấy vai trò quản lý của chính quyền hoặc chủ nhân của nguồn kinh phí tài trợ cho quá trình phục dựng, tu bổ không gian thực hành văn hóa để thay đổi diện mạo di tích, áp đặt những "kịch bản" mang tính chủ quan, sân khấu hóa và theo hướng tổ chức - quản lý sự kiện văn hóa hiện đại). Lễ hội truyền thống ở Việt Nam là một hiện tượng sinh hoạt văn hóa xã hội sinh động, đa dạng, phức tạp và là đối tượng đã và đang đặt ra nhiều vấn đề hệ trọng, cấp thiết trong đời sống văn hóa - xã hội hiện tại cũng như lâu dài. Lễ hội cổ truyền/truyền thống tại các làng/xã (mang tính phổ biến) là sản phẩm văn hóa của chung cộng đồng, việc làm chủ văn hóa, thụ hưởng giá trị văn hóa (cả về vật chất lẫn tinh thần) phải thuộc về cộng đồng. Hạt nhân của quá trình đoàn kết sáng tạo, thực hành, thụ hưởng và trao truyền văn hóa truyền thống chính là quá trình duy trì "tính thiêng", sự trung thực, công khai, minh bạch (lựa chọn nhân sự diễn xướng - hành hội, thu - chi tiền công đức, giọt dầu và các dịch vụ khác) theo nhu cầu thẩm định, đồng thuận của cộng đồng. Chính vì thế, để bảo vệ và phát huy giá trị của lễ hội truyền thống một cách khoa học, bền vững, phù hợp với điều kiện xã hội hiện tại và lâu dài, công tác tổ chức, quản lý di tích - lễ hội phải được xác định là trách nhiệm, nhiệm vụ của toàn xã hội. Có đảm bảo được sự thống nhất giữa quản lý văn hóa và văn hóa quản lý, chúng ta mới có điều kiện thuận lợi để thực thi tốt nhiệm vụ "xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc" trong điều kiện phát triển đời sống kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội hiện tại và lâu dài./

B.Q.T

Chú thích:

1- Tham khảo thêm: Phan Hồng Giang - Bùi Hoài Sơn (đồng chủ biên) (2012), *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 25 - 26.

2- Ví dụ này được dẫn từ tư liệu khảo sát nghiên cứu của Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, các năm 2005 - 2006. Hiện tại, cụm di tích đền Sòng đã được tu bổ, tôn tạo khang trang (2014 - 2015). Những năm gần đây, chúng tôi chưa có điều kiện trở lại lễ hội này để so sánh thực trạng quản lý văn hóa tại di tích và lễ hội.